

Hà Giang, ngày 13 tháng 02 năm 2020

Số 09-BB/HĐXTN

BIÊN BẢN

**họp Hội đồng xét tốt nghiệp lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính B101
huyện Mèo Vạc (hệ không tập trung)**

Vào hồi 15h30' ngày 13/02/2020, Hội đồng xét tốt nghiệp lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính B101 (hệ không tập trung) họp xét điều kiện tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho học viên thi tại Hội đồng thi tốt nghiệp lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính B101 huyện Mèo Vạc.

Địa điểm: Phòng 201 - Nhà D - Trường Chính trị tỉnh Hà Giang

Thành phần: Theo Quyết định số 164-QĐ/TCT, ngày 29/5/2019 gồm 12 đồng chí, có mặt 10/12 đồng chí, vắng 02 đồng chí Nguyễn Sơn Hải, Trịnh Sơn - có lý do.

Chủ tọa: Đồng chí **Sèn Chẩn Ly** - Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng,

Thư ký: Đồng chí **Trần Văn Đỉnh** - Trưởng phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học kiêm Ủy viên thư ký Hội đồng.

Nội dung:

1. Đồng chí đồng chí **Sèn Chẩn Ly** - Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng quán triệt mục đích, yêu cầu, nội dung cuộc họp, phương pháp làm việc.

2. Đồng chí **Trần Văn Đỉnh** - Ủy viên thư ký Hội đồng báo cáo điều kiện xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp của học viên tại Hội đồng thi tốt nghiệp lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính B101 (hệ không tập trung) huyện Mèo Vạc.

Tổng số học viên đề nghị Hội đồng xét tốt nghiệp: 80 học viên, tất cả 80 (tám mươi) học viên có điểm học tập, rèn luyện toàn khóa đủ điều kiện tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp. Từ khi khai giảng lớp học đến thời điểm xét tốt nghiệp không có học viên bị kỷ luật.

Căn cứ vào kết quả học tập và rèn luyện của học viên, Trưởng phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học, Ủy viên thư ký Hội đồng đề nghị Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho 80 (tám mươi) học viên lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính B101 (hệ không tập trung) huyện Mèo Vạc. Cụ thể: Xếp loại giỏi: 09 học viên; xếp loại khá: 56 học viên; xếp loại trung bình: 15 học viên (có danh sách kèm theo).

3. Đồng chí **Tổng Văn Quyết** - thanh tra thi tốt nghiệp: trình bày Báo cáo kết quả thanh tra đề thi, coi thi, chấm thi, chấm tiểu luận tốt nghiệp, vào điểm. Tất cả các quá trình trên đều thực hiện đảm bảo đúng quy chế, quy định, không có sai sót.

Ban coi thi và học viên dự thi thực hiện nghiêm túc đúng quy chế thi do đó không có xử lý vi phạm

Hạn chế: không có.

Đến thời điểm xét tốt nghiệp, lớp đủ điều kiện xét tốt nghiệp theo quy chế quy định.

4. Hội đồng thảo luận: Nhất trí với các báo cáo của Trưởng phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học, Ủy viên thư ký Hội đồng và thanh tra thi tốt nghiệp.

5. Hội đồng kết luận:

- Căn cứ Quy chế Đào tạo Trung cấp lý luận chính trị - hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2252-QĐ/HVCTQG, ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện của học viên. Hội đồng nhất trí và đề nghị Hiệu trưởng công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho 80 (tám mươi) học viên lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính B101 (hệ không tập trung) huyện Mèo Vạc. Trong đó: Xếp loại giỏi: 09 học viên; xếp loại khá: 56 học viên; xếp loại trung bình: 15 học viên (có danh sách kèm theo).

- Biểu quyết nhất trí: 10/12 đồng chí = 83,33%.

6. Tổ chức thực hiện

- Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học hoàn thiện biên bản, soạn thảo Quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp, in bằng tốt nghiệp cho học viên lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính B101 (hệ không tập trung) mở tại huyện Mèo Vạc trình Hiệu trưởng.

- Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học phối hợp với phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu và Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện Mèo Vạc chuẩn bị các điều kiện bế giảng và tổ chức bế giảng theo kế hoạch dự kiến vào chiều ngày 28/02/2020.

Hội nghị kết thúc vào hồi 15h45' cùng ngày và Biên bản đã được thông qua.

THƯ KÝ



Trần Văn Đình

CHỦ TỌA
HIỆU TRƯỞNG

kiêm

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Sơn Chấn Ly

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng,
- Các phó Hiệu trưởng,
- Các thành viên Hội đồng xét tốt nghiệp,
- Chủ nhiệm lớp,
- Phòng Quản lý Đào tạo và nghiên cứu khoa học,
- Lưu: Văn thư, hồ sơ.

DANH SÁCH
(kèm theo Biên bản số 09-BB/HĐXTN, ngày 13 tháng 02 năm 2020)

TT	Họ và tên		Phần I		Phần II	Phần III		Phần IV	Phần V			Phần VI	Điểm bài thu hoạch, NCTT	Điểm khóa luận tốt nghiệp	Trung bình cộng	Xếp loại	Điểm rèn luyện toàn khoá
			I.1	I.2		III.1	III.2		V.1	V.2	V.3						
1	Vũ Đình	Biên	7,50	8,00	7,75	8,00	7,75	8,00	8,50	8,00	7,50	7,50	7,50	9,00	8,07	Giỏi	9,50
2	Phạm Hùng	Chiến	7,50	7,00	6,50	7,00	6,75	8,00	7,00	6,25	6,00	7,00	7,50	7,33	7,04	Khá	9,50
3	Nguyễn Trần	Chính	7,00	7,75	8,00	7,50	7,25	8,00	7,00	6,50	6,00	7,50	7,00	7,25	7,23	Khá	9,50
4	Pao Ý	Chòi	7,25	7,50	6,50	6,75	6,75	7,00	7,00	6,00	6,00	7,50	6,50	6,50	6,73	Trung bình	9,50
5	Hoàng Thị	Chung	7,00	7,00	8,25	6,50	7,25	7,50	8,25	7,50	7,25	7,00	7,50	6,75	7,23	Khá	9,50
6	Hoàng Văn	Danh	6,75	7,00	7,50	6,50	6,25	7,00	7,50	7,00	7,00	6,50	7,00	6,75	6,88	Trung bình	9,50
7	Trần Đình	Đồng	6,50	6,50	7,00	7,00	6,50	7,50	7,50	7,00	7,00	7,50	7,50	6,75	6,98	Trung bình	9,50
8	Nguyễn Tiến	Đua	7,25	7,00	7,75	7,25	6,75	7,50	7,00	8,00	6,50	7,25	7,00	7,00	7,16	Khá	9,50
9	Nguyễn Minh	Đức	7,25	8,00	8,00	8,00	7,00	8,00	7,25	7,00	8,00	7,75	7,50	9,00	7,91	Khá	9,50
10	Hoàng Thị Thu	Hà	8,25	8,00	7,75	8,00	7,75	8,00	8,00	8,00	7,25	8,25	7,00	9,00	8,09	Giỏi	9,50
11	Nguyễn Thị	Hà	7,00	7,75	7,50	7,00	6,50	7,50	8,00	7,25	7,50	7,75	7,00	7,25	7,32	Khá	9,50
12	Bùi Thị Thu	Hiền	7,75	7,75	8,00	7,50	8,00	8,00	8,00	7,50	7,25	7,50	8,00	9,00	8,02	Giỏi	9,50
13	Lò A	Hiếu	7,00	6,75	7,00	7,00	6,75	7,00	7,50	6,50	6,00	7,50	7,75	6,67	6,91	Trung bình	9,50
14	Vì Thị	Hiệu	7,25	7,50	8,00	7,00	6,50	8,00	8,50	6,50	6,50	7,50	7,00	7,25	7,29	Khá	9,50
15	Vương Thị	Hoa	7,50	7,75	7,75	7,25	7,75	8,00	8,25	8,00	7,75	8,00	8,75	9,00	8,13	Giỏi	9,50
16	Hà Thị Nguyệt	Hoa	7,00	7,50	8,00	7,00	6,75	8,00	7,50	7,00	7,00	7,00	7,00	7,33	7,27	Khá	9,50
17	Nguyễn Văn	Hợp	7,25	7,50	7,00	7,00	6,50	7,50	7,50	6,50	7,00	6,25	7,00	6,75	6,95	Trung bình	9,50

TT	Họ và tên		Phần I		Phần II	Phần III		Phần IV	Phần V			Phần VI	Điểm bài thu hoạch, NCTT	Điểm khóa luận tốt nghiệp	Trung bình cộng	Xếp loại	Điểm rèn luyện toàn khoá
			I.1	I.2		III.1	III.2		V.1	V.2	V.3						
18	Nguyễn Thị	Huyền	7,25	7,00	8,00	7,75	7,00	8,00	8,00	8,00	8,00	7,50	7,00	7,08	7,48	Khá	9,50
19	Hà Thanh	Huyền	7,50	8,00	8,00	8,00	7,00	7,50	7,75	8,00	7,25	7,50	7,50	9,00	7,93	Khá	8,50
20	Nguyễn Thị	Huyền	6,75	7,50	7,50	7,00	6,75	7,50	7,50	7,50	7,25	7,50	7,25	6,92	7,20	Khá	8,50
21	Nông Quang	Hưng	7,25	7,50	6,50	6,50	6,50	7,00	8,00	6,25	5,00	7,50	7,00	6,83	6,82	Trung bình	9,50
22	Vũ Thị	Hương	8,00	7,75	8,00	8,00	8,00	8,00	8,25	8,00	7,50	7,75	8,00	9,00	8,16	Giỏi	9,50
23	Nguyễn Thị Thu	Hường	8,00	7,75	8,00	7,00	8,00	7,50	7,75	7,50	8,00	8,00	7,75	9,00	8,02	Giỏi	9,50
24	Lê Duy	Kiên	7,25	8,00	7,75	6,50	7,50	8,00	7,00	7,00	7,25	7,25	5,00	6,75	7,05	Khá	9,50
25	Dương Công	Khắc	7,50	7,75	7,50	7,00	6,75	7,50	8,00	6,50	6,00	7,25	7,00	6,67	7,05	Khá	9,50
26	Lương Thị	Khương	6,50	8,00	7,50	8,00	7,50	8,00	7,50	8,00	7,50	7,50	8,00	6,92	7,48	Khá	9,50
27	Lê Khắc	Lâm	7,00	8,00	7,50	6,50	7,50	7,50	7,00	6,00	7,00	7,25	7,50	6,83	7,09	Khá	9,50
28	Đào Công	Lập	7,00	8,00	7,00	6,50	6,25	7,00	7,00	6,00	7,00	6,75	7,00	6,92	6,88	Trung bình	9,50
29	Hoàng Thị Bích	Liên	7,25	7,50	7,50	7,50	6,75	8,00	7,75	7,50	7,50	7,50	7,00	7,25	7,39	Khá	9,50
30	Nguyễn Thị	Loan	7,50	8,00	8,25	7,75	7,50	7,50	8,00	8,00	7,50	7,75	5,00	9,50	7,95	Khá	9,50
31	Hà Văn	Luận	7,00	8,00	8,00	8,00	7,25	7,50	8,00	8,00	7,00	7,50	7,00	7,58	7,57	Khá	9,50
32	Phạm Thị	Lượng	7,50	7,50	7,75	8,00	7,50	7,50	7,00	7,00	7,00	8,00	8,00	7,42	7,50	Khá	9,50
33	Ma Thị	Lý	8,00	8,00	7,50	7,00	7,50	7,50	7,75	7,00	7,25	7,25	8,00	6,83	7,37	Khá	9,50
34	Trương Thị	Mai	7,50	8,00	7,50	7,50	7,75	7,00	7,25	7,50	7,50	7,50	8,00	7,17	7,47	Khá	9,50
35	Hoàng Thị	Mây	7,00	7,75	6,50	7,00	7,50	8,50	7,00	7,25	7,75	7,00	7,25	7,08	7,27	Khá	9,50

TT	Họ và tên	Phần I		Phần II	Phần III		Phần IV	Phần V			Phần VI	Điểm bài thu hoạch, NCTT	Điểm khóa luận tốt nghiệp	Trung bình cộng	Xếp loại	Điểm rèn luyện toàn khóa
		I.1	I.2		III.1	III.2		V.1	V.2	V.3						
36	Ngô Thế Nêm	6,25	6,00	7,00	7,50	6,50	7,50	7,75	6,50	7,25	7,00	7,75	6,33	6,86	Trung bình	9,50
37	Phạm Thị Thanh Nga	8,00	8,00	7,50	7,00	7,25	8,00	7,25	7,00	8,00	7,25	9,00	9,00	7,95	Khá	9,50
38	Nông Thị Nga	7,50	7,50	7,00	7,00	6,50	7,50	7,00	7,00	7,00	7,50	7,50	6,42	7,02	Khá	9,50
39	Lâu Mí Phênh	7,50	7,75	7,00	8,00	7,50	7,00	7,50	7,50	7,25	7,50	8,50	7,00	7,43	Khá	9,50
40	Tiêu Hải Phong	7,00	8,00	8,00	7,00	6,75	8,00	8,25	7,50	7,25	7,25	7,50	7,33	7,46	Khá	9,50
41	Lê Văn Quang	7,50	8,00	7,25	7,00	6,50	7,00	7,50	7,00	7,00	6,75	7,25	6,58	7,04	Khá	9,50
42	Nguyễn Văn Quyển	7,50	8,50	7,50	8,50	8,00	7,50	8,00	7,50	6,00	7,00	7,75	9,00	7,91	Khá	9,50
43	Chu Đình Quyết	7,25	8,00	7,25	8,00	6,00	7,50	7,50	7,00	7,50	6,00	8,25	7,08	7,25	Khá	9,50
44	Bùi Văn Quyết	7,00	7,00	7,00	7,50	6,50	7,50	7,50	6,00	7,00	7,25	8,00	6,83	7,05	Khá	9,50
45	Đặng Mai Quỳnh	7,50	8,00	7,50	8,00	7,50	8,00	8,00	6,75	7,50	7,50	7,25	9,00	7,89	Khá	8,50
46	Thào Thị Say	7,00	7,00	7,50	7,25	6,50	7,50	8,00	6,50	6,00	7,00	7,50	6,92	7,04	Khá	9,50
47	Sùng Thị Say	7,00	7,50	7,25	7,00	6,50	7,00	7,25	6,50	6,00	7,00	7,00	7,25	6,98	Trung bình	9,50
48	Nguyễn Thị Hoa Sen	7,50	7,75	7,00	7,00	6,50	7,50	7,00	6,50	7,00	6,75	7,00	7,17	7,07	Khá	9,50
49	Vàng Mí Sò	6,75	6,50	6,00	7,25	6,25	7,00	6,00	5,50	7,00	6,75	8,00	5,83	6,46	Trung bình	9,50
50	Lê Văn Sứ	7,25	7,75	8,25	7,50	7,00	8,00	7,50	6,50	6,75	7,00	7,00	6,83	7,21	Khá	9,50
51	Nông Văn Sường	7,25	7,50	7,50	7,00	6,00	8,00	7,00	6,50	6,00	6,75	8,00	6,67	6,97	Trung bình	9,50
52	Mua Thị Sy	7,50	7,50	8,50	7,50	8,00	8,00	8,00	7,75	6,00	7,50	7,00	7,58	7,57	Khá	9,50
53	Nguyễn Văn Tiến	8,00	8,00	5,00	7,50	7,50	8,00	7,75	8,00	7,50	7,00	7,75	7,42	7,45	Khá	9,50

TT	Họ và tên	Phần I		Phần II	Phần III		Phần IV	Phần V			Phần VI	Điểm bài thu hoạch, NCTT	Điểm khóa luận tốt nghiệp	Trung bình cộng	Xếp loại	Điểm rèn luyện toàn khóa
					III.1	III.2		V.1	V.2	V.3						
54	Nguyễn Anh Tuấn	7,75	7,00	8,00	7,50	6,50	8,00	7,00	7,50	7,50	6,50	8,00	7,42	7,39	Khá	9,50
55	Lê Anh Tuấn	8,00	7,50	6,50	7,00	7,25	7,50	7,00	6,50	7,00	6,50	7,75	6,58	7,02	Khá	9,50
56	Trần Thanh Tùng	7,00	7,50	7,00	7,50	6,75	7,00	7,00	6,00	7,00	7,00	8,00	7,25	7,11	Khá	9,50
57	Đinh Mạnh Tường	6,50	7,00	7,75	7,75	6,50	7,00	7,00	6,00	8,00	7,25	7,00	6,92	7,04	Khá	9,50
58	Vũ Trọng Thành	7,25	8,50	7,25	7,00	7,50	7,50	7,50	6,50	6,75	7,50	7,75	7,75	7,45	Khá	9,50
59	Đoàn Văn Thành	7,50	7,00	7,00	6,50	7,25	7,00	7,50	6,50	7,25	7,25	7,50	7,25	7,14	Khá	9,50
60	Đán Văn Thao	7,00	7,00	8,00	7,00	7,00	8,00	7,25	8,00	7,00	7,25	7,50	6,92	7,27	Khá	9,50
61	Nguyễn Thị Thảo	6,50	8,00	7,50	7,00	6,75	8,50	8,00	6,50	7,00	7,00	8,00	6,67	7,20	Khá	9,50
62	Nguyễn Chí Thắng	7,50	7,75	7,00	7,50	6,75	7,50	7,75	7,00	7,25	7,00	7,75	7,42	7,36	Khá	9,50
63	Sùng Quang Thắng	7,00	6,75	8,00	7,00	6,50	7,00	8,00	6,25	7,50	7,25	8,00	6,92	7,14	Khá	9,50
64	Thào Minh Thông	7,00	7,00	7,75	7,00	6,00	7,00	8,00	6,50	6,00	6,50	8,00	6,58	6,89	Trung bình	9,50
65	Nguyễn Thị Thu Thùy	7,50	7,50	8,00	7,00	8,00	7,50	7,50	7,50	7,25	7,50	7,50	7,50	7,52	Khá	9,50
66	Nguyễn Thị Thuỷ	7,25	8,00	7,75	7,25	8,00	8,00	8,00	6,50	8,00	7,00	8,50	8,50	7,84	Khá	9,50
67	Đỗ Văn Thường	7,75	7,00	7,50	7,00	6,75	7,50	7,00	6,50	7,00	7,25	7,50	7,08	7,14	Khá	9,50
68	Bùi Duy Thường	8,50	8,00	7,50	8,00	8,00	8,00	7,50	8,00	8,00	7,75	8,00	9,00	8,16	Giỏi	9,50
69	Lý A Trai	7,25	8,00	7,00	6,50	6,50	7,50	7,25	6,00	7,25	7,00	7,00	6,67	6,95	Trung bình	9,50
70	Nguyễn Thu Trang (1984)	7,00	7,50	8,00	8,00	6,25	7,50	8,00	7,50	7,50	5,00	5,00	6,75	6,96	Trung bình	9,50
71	Nguyễn Thu Trang (1992)	7,00	7,50	8,00	8,00	7,75	8,00	8,00	8,00	7,75	8,00	8,00	9,00	8,07	Giỏi	8,50

TT	Họ và tên		Phần I		Phần II	Phần III		Phần IV	Phần V			Phần VI	Điểm bài thu hoạch, NCTT	Điểm khóa luận tốt nghiệp	Trung bình cộng	Xếp loại	Điểm rèn luyện toàn khóa
			I.1	I.2		III.1	III.2		V.1	V.2	V.3						
72	Lê Văn	Trọng	7,00	7,50	7,50	7,50	7,75	8,00	8,00	6,50	7,50	7,00	8,00	6,75	7,32	Khá	9,50
73	Hoàng Văn	Trung	6,50	7,50	6,50	6,50	7,75	7,50	7,50	6,50	6,00	7,00	7,00	6,50	6,84	Trung bình	9,50
74	Hoàng Thị	Vân	7,50	8,00	7,25	7,25	8,00	7,50	8,00	6,50	7,50	7,75	8,50	7,42	7,57	Khá	9,50
75	Phạm Đình	Vinh	7,75	8,00	8,00	8,00	7,50	8,00	7,75	8,00	8,00	7,50	8,25	8,50	8,02	Giỏi	9,50
76	Nguyễn Thị	Vinh	7,25	7,00	7,50	7,00	6,75	7,50	8,00	6,75	7,50	7,50	7,00	6,42	7,07	Khá	9,50
77	Diệp Thị	Xoan	7,00	7,00	8,00	7,75	6,25	7,00	8,00	6,50	7,50	6,75	8,25	6,92	7,20	Khá	9,50
78	Hoàng Thị	Xuân	6,75	7,75	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	6,50	6,75	7,75	7,25	7,08	7,07	Khá	9,50
79	Ma Thị	Xuyên	7,25	7,50	8,00	7,75	6,50	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,50	6,75	7,55	Khá	9,50
80	Trương Thị	Xuyên	7,00	8,00	7,50	6,50	7,75	7,50	7,50	6,50	7,50	7,50	8,00	6,42	7,18	Khá	9,50

Danh sách ấn định: 80 học viên.